

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-ST

Ngày: 16/9/2022

*“V/v tranh chấp về
hợp đồng tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Bình.
2. Bà Vũ Thị Hào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Huy Anh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số: 77/2022/TLST-DS ngày 20/6/2022 về việc *“Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2022 và Quyết hoãn phiên tòa số 774/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 89 L, phường L, Thành phố H.

Địa chỉ liên hệ: Tầng 1, số nhà 96 C, Phường 4, Quận 3, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Liêm S – Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ;
Địa chỉ: Tầng 1, số nhà 96 C, Phường 4, Quận 3, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 18/7/2022).

2. Bị đơn: Ông Phan Văn Q, sinh năm 1985 và bà Phan Thị T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Tổ 9A, ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

(Ông S, ông Q và bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ngô Liêm S trình bày:*

Ông Phan Văn Q và bà Phan Thị T có vay vốn của Ngân hàng Thương mại cổ phần V, cụ thể:

1. Hợp đồng tín dụng số LN1707130113618/HNI/HĐTD ngày 08/9/2017 thỏa thuận số tiền vay là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng), mục đích vay mua ô tô, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 11,4%/năm, định kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần. Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay là: 01 chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu CHANGAN, số loại SC1022DB4N, số khung RPMKN2F4CHN000689, số máy JL466Q4G64F000199, biển kiểm soát số 60C – 375.85 đứng tên Phan Văn Q và được Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận ngày 05/9/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 08/3/2020 ông Q và bà T đã thanh toán cho ngân hàng được 67.966.444đ (sáu mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi sáu nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng) tiền nợ gốc và 35.363.994đ (ba mươi lăm triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, chín trăm chín mươi bốn đồng) tiền lãi. Tổng cộng là 103.330.438đ (một trăm linh ba triệu, ba trăm ba mươi nghìn, bốn trăm ba mươi tám đồng).

Tính đến ngày xét xử (16/9/2022) ông Q và bà T nợ ngân hàng theo hợp đồng là 72.033.556đ (bảy mươi hai triệu, không trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm năm mươi sáu đồng) nợ gốc và 31.982.735đ (ba mươi một triệu, chín trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm ba mươi lăm đồng) tiền lãi. Tổng cộng là 104.016.291đ (một trăm linh bốn triệu, không trăm mười sáu nghìn, hai trăm chín mươi một đồng).

2. Giấy đề nghị vay vốn, kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm đăng ký ngày 14/01/2020 thỏa thuận số tiền vay là 49.000.000 đồng, mục đích vay mua đồ gia dụng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 20%/năm, mức điều chỉnh điều chỉnh tối đa biên độ là 12%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 08/3/2020 ông Q và bà T đã thanh toán cho ngân hàng được 2.173.580đ (hai triệu, một trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm tám mươi đồng) tiền nợ gốc và 1.458.944đ (một triệu, bốn trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm bốn mươi bốn đồng) tiền lãi. Tổng cộng là 3.632.524đ (ba triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm hai mươi bốn đồng).

Tính đến ngày xét xử (16/9/2022) ông Q và bà T nợ ngân hàng theo hợp đồng là 46.826.420đ (bốn mươi sáu triệu, tám trăm hai mươi sáu nghìn, bốn trăm hai mươi đồng) nợ gốc và 31.845.285đ (ba mươi một triệu, chín trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm ba mươi lăm đồng) tiền lãi. Tổng cộng là 78.671.705đ (bảy mươi tám triệu, sáu trăm bảy mươi một nghìn, bảy trăm linh năm đồng).

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần V yêu cầu ông Q và bà T thanh toán số nợ của hai hợp đồng là 182.687.996đ (một trăm tám mươi hai triệu, sáu trăm tám

mười bảy nghìn, chín trăm chín mươi sáu đồng), trong đó: tiền nợ gốc 118.859.976đ (một trăm mười tám triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm bảy mươi sáu đồng), tiền lãi là 63.828.020đ (sáu mươi ba triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn, không trăm hai mươi đồng) và lãi suất kể từ ngày 17/9/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu CHANGAN, số loại SC1022DB4N, số khung RPMKN2F4CHN000689, số máy JL466Q4G64F000199, biển kiểm soát số 60C – 375.85 đứng tên Phan Văn Q và được Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận ngày 05/9/2017.

** Tại các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Phan Văn Q trình bày:*

Ông và bà T có vay vốn của Ngân hàng Thương mại cổ phần V theo như đại diện ngân hàng trình bày tại đơn khởi kiện là đúng. Quá thực hiện hợp đồng ông và bà T đã thanh toán cho ngân hàng khoản vay của hai hợp đồng được số tiền gốc 70.140.024đ (bảy mươi triệu, một trăm bốn mươi nghìn không trăm hai mươi bốn đồng) và 36.822.938đ (ba mươi sáu triệu, tám trăm hai mươi hai nghìn, chín trăm ba mươi tám đồng) tiền lãi. Từ ngày 09/3/2020 ông và bà T không thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nữa.

Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay nêu trên là: 01 chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu CHANGAN, số loại SC1022DB4N, số khung RPMKN2F4CHN000689, số máy JL466Q4G64F000199, biển kiểm soát số 60C – 375.85 đứng tên Phan Văn Q và được Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận ngày 05/9/2017.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Q thừa nhận toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi nguyên đơn yêu cầu, nhưng do điều kiện của ông khó khăn không thể trả nợ cho nguyên đơn được, ông đề nghị ngân hàng cho ông và bà T trả hàng tháng đến khi hết nợ.

** Bị đơn là bà Phan Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và cung cấp lời khai.*

** Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều: 239, 243, 248, 249, 250, 251, 253, 254, 256, 260 và Điều 263 của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại các Điều 70, 71, 72, 86, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung của vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V, buộc ông Phan Văn Q và bà Phan Thị T phải thanh toán Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 182.687.996đ (một trăm tám mươi hai

triệu, sáu trăm tám mươi bảy nghìn, chín trăm chín mươi sáu đồng) và lãi suất kể từ ngày 17/9/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu CHANGAN, số loại SC1022DB4N, số khung RPMKN2F4CHN000689, số máy JL466Q4G64F000199, biển kiểm soát số 60C – 375.85 đứng tên Phan Văn Q và được Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận ngày 05/9/2017.

Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Phan Văn Q và bà Phan Thị T cư trú tại: tổ 9A, ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đ. Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ngô Liêm S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phan Văn Q và bà Phan Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S, ông Q và bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng Thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn Q và bà Phan Thị T thanh toán số tiền nợ và lãi chậm trả theo hợp đồng tín dụng đã ký nên xác định đây vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Nội dung vụ án: Theo lời khai và tài liệu, chứng cứ mà đại diện nguyên đơn cung cấp cũng như lời khai của bị đơn ông Q trong quá trình giải quyết, xác định: ông Phan Văn Q, bà Phan Thị T và Ngân hàng Thương mại cổ phần V có ký hai hợp đồng tín dụng, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số LN1707130113618/HNI/HĐTD ngày 08/9/2017 thỏa thuận số tiền vay là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng), mục đích vay mua ô tô, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 11,4%/năm, định kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần. Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay nêu trên là: 01 chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu CHANGAN, số loại SC1022DB4N, số khung RPMKN2F4CHN000689, số máy JL466Q4G64F000199, biển kiểm soát số 60C – 375.85 đứng tên Phan Văn Q và được Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận ngày 05/9/2017.

Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm đăng ký ngày 14/01/2020, thỏa thuận số tiền vay là 49.000.000 đồng,

mục đích vay mua đồ gia dụng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 20%/năm, mức điều chỉnh điều chỉnh tối đa biên độ là 12%/năm.

Quá trình thực hiện hai hợp đồng trên ông Q, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V hai hợp đồng được số tiền gốc 70.140.024đ (bảy mươi triệu, một trăm bốn mươi nghìn không trăm hai mươi bốn đồng) và 36.822.938đ (ba mươi sáu triệu, tám trăm hai mươi hai nghìn, chín trăm ba mươi tám đồng) tiền lãi, từ ngày 09/3/2020 đến nay không thanh toán nữa.

Tính đến ngày xét xử (16/9/2022) ông Q và bà T nợ ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số LN1707130113618/HNI/HĐTD ngày 08/9/2017 là 72.033.556đ (bảy mươi hai triệu, không trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm năm mươi sáu đồng) nợ gốc và 31.982.735đ (ba mươi một triệu, chín trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm ba mươi lăm đồng) tiền lãi, tổng cộng là 104.016.291đ (một trăm linh bốn triệu, không trăm mười sáu nghìn, hai trăm chín mươi một đồng). Theo giấy đề nghị vay vốn, kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm đăng ký ngày 14/01/2020 là 46.826.420đ (bốn mươi sáu triệu, tám trăm hai mươi sáu nghìn, bốn trăm hai mươi đồng) nợ gốc và 31.845.285đ (ba mươi một triệu, chín trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm ba mươi lăm đồng) tiền lãi, tổng cộng là 78.671.705đ (bảy mươi tám triệu, sáu trăm bảy mươi một nghìn, bảy trăm linh năm đồng).

Tổng số nợ của hai hợp đồng là 182.687.996đ (một trăm tám mươi hai triệu, sáu trăm tám mươi bảy nghìn, chín trăm chín mươi sáu đồng), trong đó: nợ gốc 118.859.976đ (một trăm mười tám triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm bảy mươi sáu đồng), tiền lãi là 63.828.020đ (sáu mươi ba triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn, không trăm hai mươi đồng).

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V buộc ông Phan Văn Q và bà Phan Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V Tổng số nợ của hai hợp đồng là 182.687.996đ (một trăm tám mươi hai triệu, sáu trăm tám mươi bảy nghìn, chín trăm chín mươi sáu đồng), trong đó: nợ gốc 118.859.976đ (một trăm mười tám triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm bảy mươi sáu đồng), tiền lãi là 63.828.020đ (sáu mươi ba triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn, không trăm hai mươi đồng) và tiền lãi chậm trả từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm.

Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay hàng theo hợp đồng tín dụng số LN1707130113618/HNI/HĐTD ngày 08/9/2017 là: 01 chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu CHANGAN, số loại SC1022DB4N, số khung RPMKN2F4CHN000689, số máy JL466Q4G64F000199, biển kiểm soát số 60C – 375.85 đứng tên Phan Văn Q và được Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận ngày 05/9/2017.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.134.399 đồng (chín triệu, một trăm ba mươi tư nghìn, ba trăm chín mươi chín đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V với bị đơn ông Phan Văn Q và bà Phan Thị T về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Phan Văn Q và bà Phan Thị T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 182.687.996đ (một trăm tám mươi hai triệu, sáu trăm tám mươi bảy nghìn, chín trăm chín mươi sáu đồng). Trong đó, nợ gốc là 118.859.976đ (một trăm mười tám triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm bảy mươi sáu đồng), tiền lãi là 63.828.020đ (sáu mươi ba triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn, không trăm hai mươi đồng).

Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay hàng theo hợp đồng tín dụng số LN1707130113618/HNI/HĐTD ngày 08/9/2017 là: 01 chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu CHANGAN, số loại SC1022DB4N, số khung RPMKN2F4CHN000689, số máy JL466Q4G64F000199, biển kiểm soát số 60C – 375.85 đứng tên Phan Văn Q và được Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận ngày 05/9/2017.

2. Về án phí sơ thẩm:

Ông Phan Văn Q và bà Phan Thị T phải chịu số tiền 9.134.399đ (chín triệu, một trăm ba mươi tư nghìn, ba trăm chín mươi chín đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí 4.495.000 đồng (bốn triệu, bốn trăm chín mươi năm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0004355 ngày 13/6/2022 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS ND H. Vĩnh Cửu;
- THA DS H. Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Đại